

**GTÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14/4/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Xô

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Khoàng Văn Hặc

2. Ông Nguyễn Xuân Hoàng

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Chúc - Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.*

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện
Mường Chà, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn
nhân gia đình thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14/02/2022 về việc Ly
hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
06/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lù Thị V - Sinh năm: 1996;

Bị đơn: Anh Lò Văn Đ - Sinh năm: 1993.

Địa chỉ cùng trú tại: Bản T, xã M, huyện M, tỉnh Đ, nguyên đơn, bị đơn có
mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 10 tháng 02 năm 2022, quá trình
giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Lù Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị V và anh Đ quá trình tìm hiểu nhau khoảng thời gian
khoảng 01 năm, tổ chức theo phong tục tập quán địa phương và sau đó thì đăng
ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 23/6/2018 tại UBND xã M, huyện M,
tỉnh Đ. Cuộc sống của anh chị sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019, sau
đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn từ kinh tế, khó khăn bất đồng
quan điểm sống. Mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng hơn đến đầu tháng
08/2021 thì chị V và anh Đ sống ly thân cho đến nay.

Đến nay chị V xác định không còn tình cảm với anh Đ nên làm đơn xin ly hôn với anh Đ. Mong Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Chị V và anh Đ có 01 con chung Lò Ngọc N - Sinh ngày: 22/10/2018. Chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Có đủ khả năng tự nuôi con thu nhập từ lương ổn định 7.900.000 đồng/ tháng.

Tại bản tự khai đề ngày 09/3/2022, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Lò Văn Đ bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Những phần trình bày của chị V là hoàn toàn đúng sự thật, anh chị đăng ký kết vào ngày 23/6/2018 tại UBND xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn, cuộc sống bất đồng quan điểm. Đến tháng 8/2021 anh Đ đi làm thuê ở xa chứ không phải sống ly thân sau đó đến tháng 11/2021 anh Đ đi làm thuê về thì chị V và anh Đ sống ly thân cho đến nay. Nay chị V xin ly hôn, anh Đ vẫn còn tình cảm với chị V nên tôi không đồng ý ly hôn. Nhưng nếu chị V vẫn cương quyết ly hôn thì anh Đ chấp nhận. Nay chị V xin ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh Đ và chị V có 01 con chung cháu Lò Ngọc N - Sinh ngày: 22/10/2018. Anh Đ đồng ý để chị V nuôi con, vì anh Đ không có thu nhập ổn định nên anh không có khả năng cấp dưỡng, có gì anh sẽ cho con đó tùy thuộc vào khả năng của mình.

Về tài sản chung, tài sản riêng; nợ chung: Anh Đ và chị V cùng thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại nơi cư trú của anh Đ, chị V ngày 24/02/2022, thể hiện: Chị Lò Thị V và anh Lò Văn Đ là nhân dân trú tại Bản Tin Tộc, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Sau khi tìm hiểu và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống tại bản thấy hai vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, chỉ khoảng thời gian gần đây hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không có chiều hướng tốt hơn. Hai vợ chồng có 01 con chung là: Lò Ngọc N, về điều kiện nuôi con chung thì chị V là giáo viên mầm non có thu nhập ổn định, còn anh Đ thì không có việc làm ổn định nên không có thu nhập ổn định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét

xử nghị án không vi phạm thủ tục tố tụng; cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, Điều 70, Điều 71, khoản 1,2 Điều 72 BLTTDS; Điều 8, 9; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật HN&GD năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị V. Tuyên xử cho chị Lò Thị V được ly hôn với anh Lò Văn Đ.

Về con chung:

Chị V và anh Đ có 01 con chung là cháu Lò Ngọc N - Sinh ngày: 22/10/2018. Anh chị đều có nguyện vọng nuôi con, về điều kiện để nuôi con. Chị V là giáo viên có thu nhập ổn định, anh Đ không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định. Tại phiên tòa chị V và anh Đ cũng thống nhất để chị V chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhi đến tuổi thành niên (18 tuổi) và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị V. Đề nghị giao cháu Lò Ngọc N cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu nhi cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Ghi nhận việc chị V không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị V và anh Đ cùng thống nhất là không có tài sản chung, riêng và công nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Lò Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm hơn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nuôi con chung khi ly hôn bị đơn đều trú tại bản Tin Tộc, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

Về hôn nhân:

[2]. Chị V và anh Đ sau khi tìm hiểu, chung sống và đi đến đăng ký kết hôn ngày 23/6/2018, tại UBND xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện

Biên, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc tuân thủ các quy định của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Vậy, hôn nhân giữa anh Đ và chị V là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu cuộc sống của anh chị hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế, khó khăn bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng hơn đến đầu tháng 8/2021 thì chị V và anh Đ sống ly thân cho đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 24/02/2022, tại nơi cư trú của anh Đ và chị V, xác định thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng thời gian gần đây hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Tại phiên tòa chị V vẫn khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin được ly hôn với anh Đ. Tại phiên tòa anh Đ cũng xét thấy tình cảm không còn nên chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị V. HĐXX thấy rằng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh chị cùng thừa nhận đã sống ly thân từ đầu tháng 8/2021 đến nay không còn quan tâm cuộc sống của nhau nữa nên có đủ cơ sở xác định cho đến nay tình cảm của chị V và anh Đ không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được, nên HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị V đối với anh Đ.

Xét về con chung:

[3]. Chị V và anh Đ có 01 con chung là cháu Lò Ngọc N - Sinh ngày: 22/10/2018. Chị V là giáo viên có thu nhập ổn định lương 7.900.000đồng/tháng, anh Đ không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định. Tại phiên tòa anh chị đều nhất trí để cháu Lò Ngọc N cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con vì anh Đ không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, nên anh sẽ tự có trách nhiệm cấp dưỡng theo khả năng của mình, chị V không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Lò Ngọc Nhi cho chị V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu nhi cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Ghi nhận việc chị V không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị V.

Xét về tài sản chung, riêng và công nợ:

[4]. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị V và anh Đ cùng thống nhất là không có tài sản chung, riêng và công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016: Buộc chị Lò Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Về ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, phù hợp với quan điểm của HĐXX nên có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, Điều 70, Điều 71, khoản 1,2 Điều 72 BLTTDS; Điều 8, 9; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật HN&GD năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị V. Chị Lò Thị V được ly hôn với anh Lò Văn Đ.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Lò Thị V và anh Lò Văn Đ, giao cháu Lò Ngọc N - Sinh ngày 22/10/2018 cho chị Lò Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Ghi nhận việc chị V không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lò Văn Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau khi ly hôn, Tòa án xem xét và quyết định khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Lò Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số: 0006755 ngày 14/02/2022, của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Chị Lò Thị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 14/4/2022.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quàng Văn Xôm

